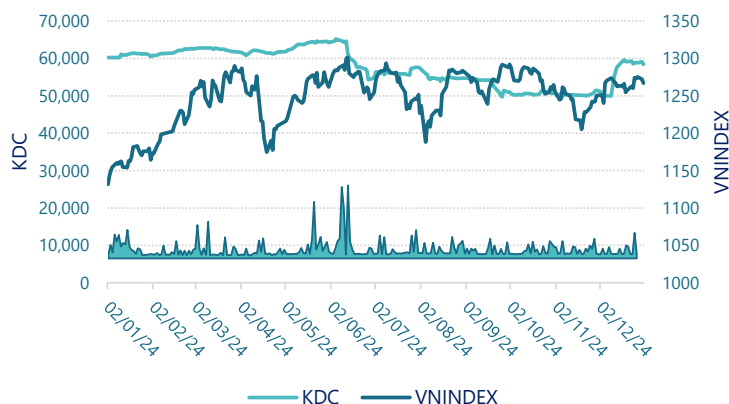


CTCP Tập đoàn KIDO (HSX: KDC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	58,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	65,227
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	49,711
SL cổ phiếu LH	289,806,316
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,866,151
% sở hữu nước ngoài	18.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	16,925
P/E	308.8
EPS	189

DT thuần

Q4/24

2,556

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 312 | 13.9%

YoY: ▲ 573 | 28.9%

LN sau thuế

Q4/24

13.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 7.70 | -35.9%

YoY: ▲ 558 | 103%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

2.8%

+/- YoY: ▼ 3.7%

DT thuần

2024

8,322

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 328 | -3.8%

LN sau thuế

2024

67.1

tỷ VNĐ

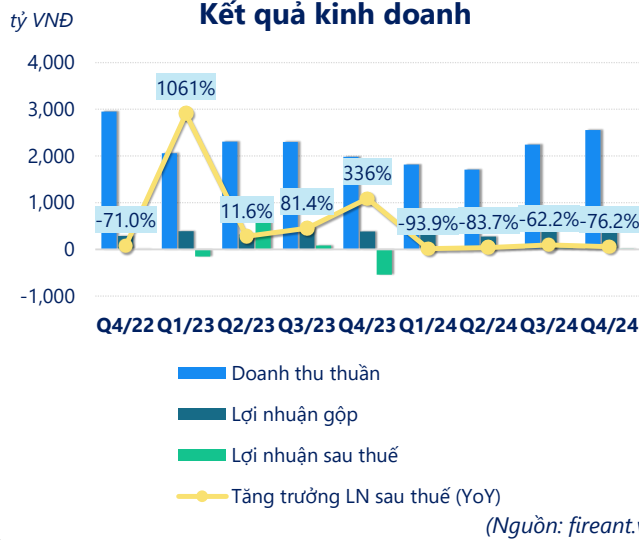
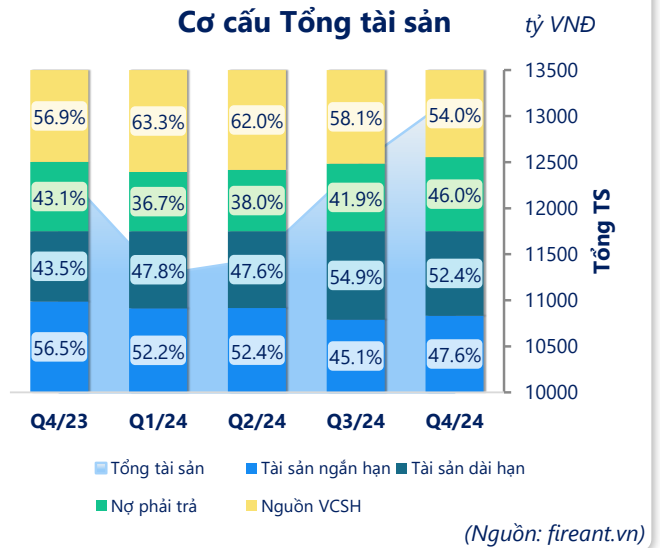
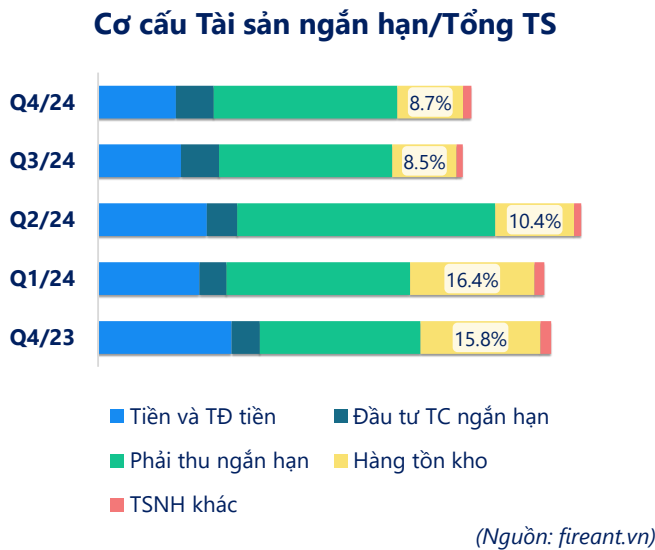
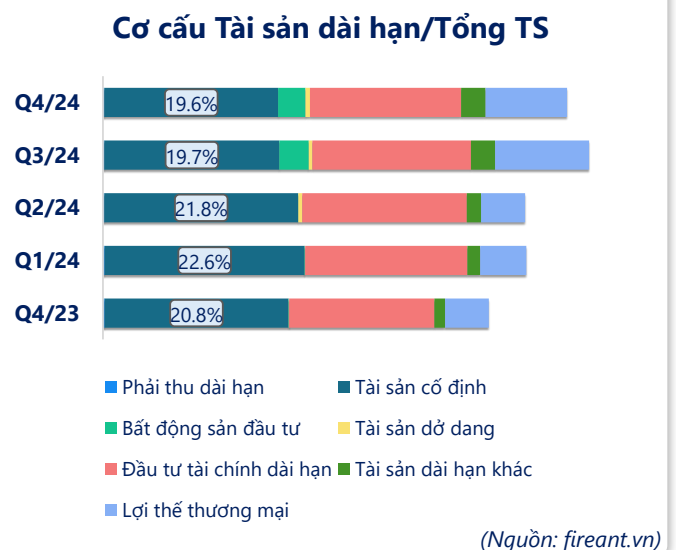
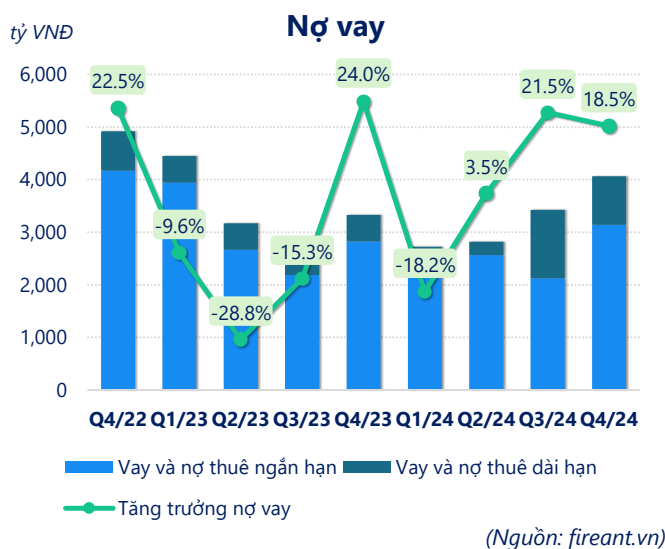
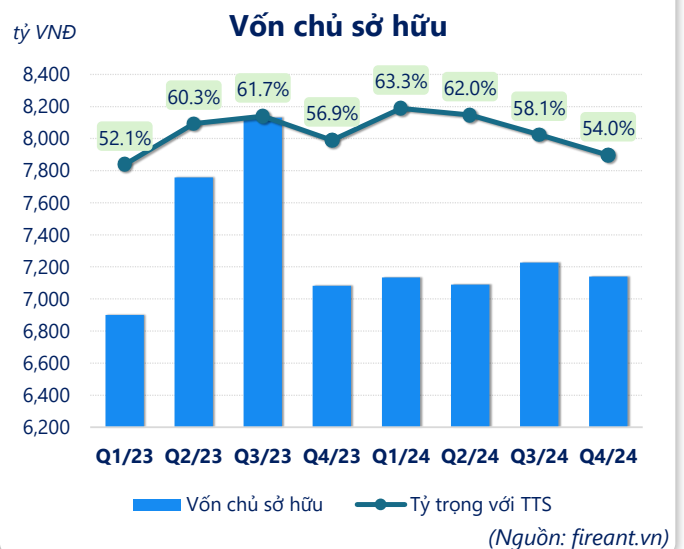
YoY: ▼ 67.9 | -50.4%

ROE

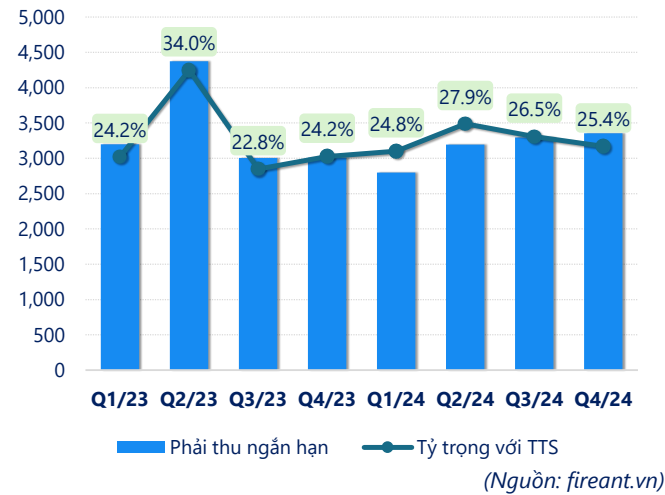
2024

0.8%

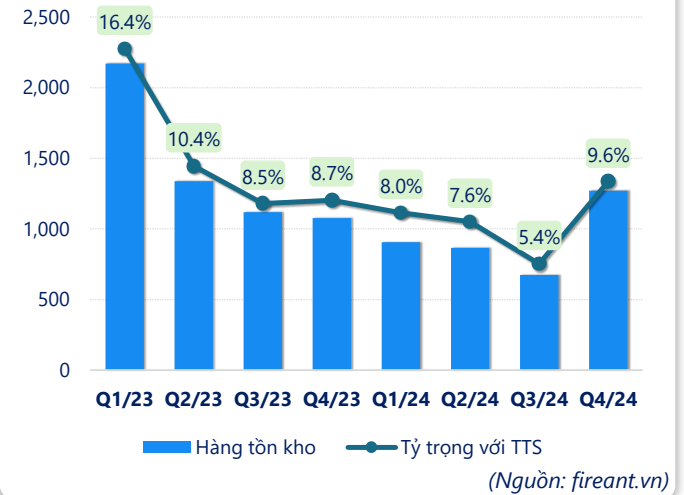
+/- YoY: ▼ 1.3%



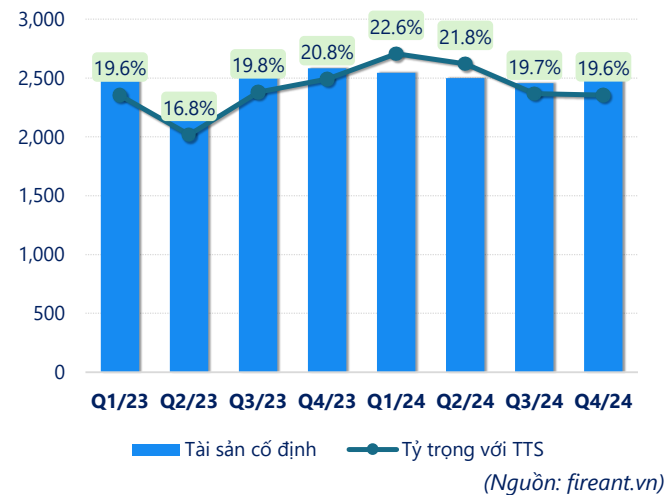
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


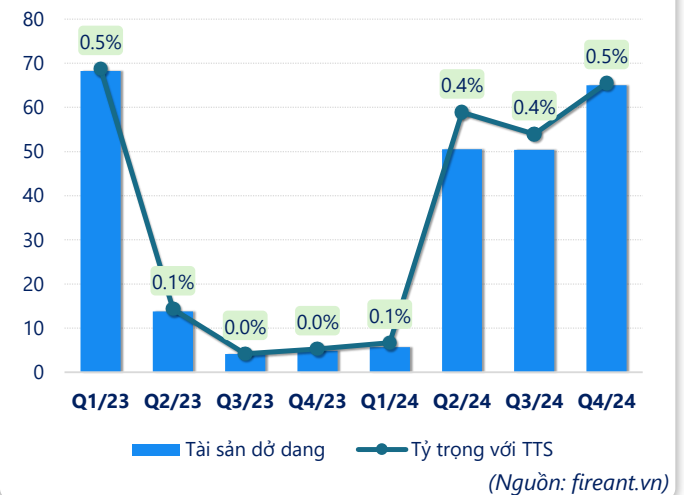
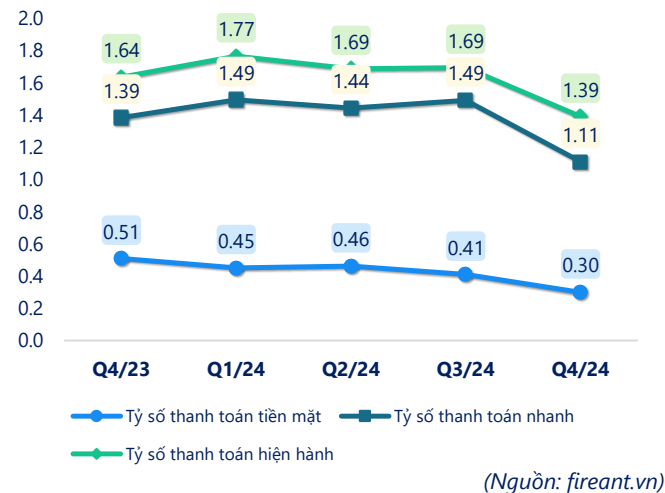
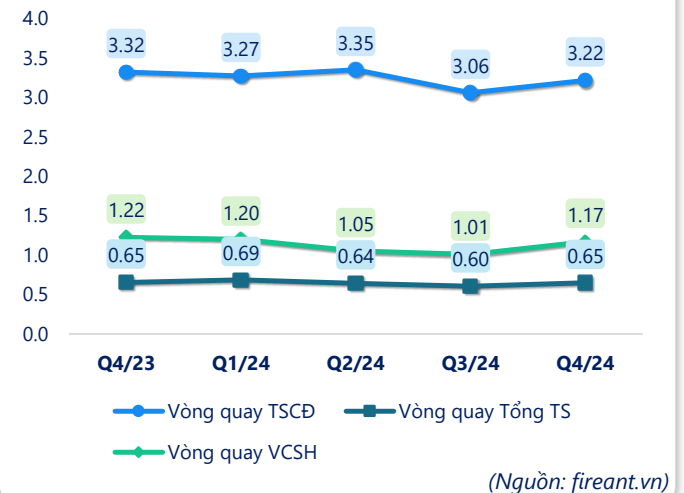
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	12,437	11,279	11,442	12,447	13,224
Tài sản ngắn hạn	7,022	5,889	5,991	5,619	6,300
Tiền và tương đương tiền	2,185	1,504	1,637	1,358	1,355
Đầu tư tài chính ngắn hạn	619	549	174	174	174
Phải thu ngắn hạn	3,008	2,798	3,192	3,294	3,353
Hàng tồn kho	1,077	905	866	674	1,271
Tài sản ngắn hạn khác	132	134	122	118	148
Tài sản dài hạn	5,415	5,389	5,450	6,828	6,924
Phải thu dài hạn	21.5	22.1	19.3	21.0	21.2
Tài sản cố định	2,582	2,544	2,499	2,456	2,594
Bất động sản đầu tư	4.22	4.17	4.12	413	409
Tài sản dở dang	4.90	5.68	50.5	50.4	65.0
Đầu tư tài chính dài hạn	2,036	2,061	2,122	2,227	2,254
Tài sản dài hạn khác	152	162	185	341	367
Lợi thế thương mại	614	590	570	1,320	1,214
Nợ phải trả	5,355	4,144	4,353	5,220	6,084
Nợ ngắn hạn	4,292	3,335	3,550	3,315	4,529
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,826	2,470	2,566	2,124	3,138
Phải trả người bán ngắn hạn	429	389	432	326	676
Nợ dài hạn	1,064	809	803	1,906	1,555
Vay và nợ thuê dài hạn	501	252	253	1,302	923
Nguồn vốn chủ sở hữu	7,081	7,135	7,089	7,227	7,139
Vốn chủ sở hữu	7,081	7,135	7,089	7,227	7,139
Vốn điều lệ	2,898	2,898	2,898	2,898	2,898
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)